

Số: /TB-SNNMT

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Định hướng cơ cấu giống lúa, lịch thời vụ gieo sạ và hướng dẫn sản xuất năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước trên lĩnh vực nông nghiệp tại Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng;

Trên cơ sở đề xuất của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại Phiếu trình ngày 22/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông báo định hướng cơ cấu giống lúa, lịch thời vụ gieo sạ và hướng dẫn sản xuất năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Định hướng cơ cấu giống lúa năm 2026

Tiếp tục bố trí cơ cấu giống trung - ngắn ngày có năng suất, chất lượng, thích nghi với điều kiện sinh thái của thành phố Đà Nẵng và phù hợp với bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp như hiện nay. Hơn nữa, nhằm giảm áp lực cho việc giải phóng đất giữa 2 vụ sản xuất, vụ Hè Thu sẽ xuống giống sớm, kết thúc gọn để tiết kiệm được nguồn nước tưới và lách tránh rủi ro do thời tiết bất lợi (mưa lụt, gió, bão,...) gây thiệt hại ở cuối vụ sản xuất.

Đẩy mạnh sử dụng giống kỹ thuật (giống xác nhận, giống nguyên chủng), giảm mật độ gieo sạ trên đơn vị diện tích. Đối với sạ lan (vãi) 60 - 70 kg/ha (lúa thuần), 40 - 50 kg/ha (lúa lai); đối với sạ hàng (bằng công cụ) 40 - 50 kg/ha (lúa thuần), 20 - 25 kg/ha (lúa lai).

a) Định hướng cơ cấu giống lúa vụ Đông Xuân 2025 - 2026

- Nhóm giống chủ lực: Cơ cấu khoảng 60% diện tích

+ Những giống có thời gian sinh trưởng (TGST) dưới 105 ngày, gồm các giống: Hương thơm số 1 (HT1), PC6, Hương Châu 6 và Q.Nam 9.

+ Những giống có thời gian sinh trưởng từ 105 - 115 ngày, gồm các giống: Thiên ưu 8, TBR225, Bắc Thịnh, Hà Phát 3, ĐT100, VNR10, HG12 và TBR97.

- Nhóm giống bổ sung: Cơ cấu khoảng 25% diện tích
- + Những giống có thời gian sinh trưởng dưới 105 ngày, gồm các giống: ML232, BDR57, Đài thơm 8 và BG6
- + Những giống có thời gian sinh trưởng từ 105 - 115 ngày, gồm các giống: BC15, VNR20, VN121, Sơn Lâm 1, ĐB18, QB19, Hương Xuân, QC03, TBR87 và ĐT68.
- Nhóm giống triển vọng: Cơ cấu khoảng 15% diện tích
- + Những giống có thời gian sinh trưởng dưới 105 ngày, gồm các giống: Dibarice 13/2, ĐH12, DCG66 và PY10.
- + Những giống có thời gian sinh trưởng từ 105 - 115 ngày, gồm các giống: BDR999, PY2, HG244, Hương Bình, TBR1, ĐB6, TBT132 và Thiên Hương 6 (QNgai6).
- b) Dự kiến cơ cấu giống lúa vụ Hè Thu 2026
- Nhóm giống chủ lực: Cơ cấu khoảng 60% diện tích
- + Những giống có thời gian sinh trưởng dưới 95 ngày, gồm các giống: Q.Nam 9, Hương Châu 6, Hương thơm số 1 (HT1) và PC6.
- + Những giống có thời gian sinh trưởng từ 95 - 105 ngày, gồm các giống: ĐT100, Hà Phát 3, TBR225, Bắc Thịnh, ĐB18, TBR97, HG12, BC15 và VNR10.
- Nhóm giống bổ sung: Cơ cấu khoảng 25% diện tích
- + Những giống có thời gian sinh trưởng dưới 95 ngày, gồm các giống: ML232, Đài thơm 8, TBR87, QC03, PY10, HG244 và VN121.
- + Những giống có thời gian sinh trưởng từ 95 - 105 ngày, gồm các giống: QB19, ĐT68, PY2, VNR20, Thiên ưu 8, BDR57 và Hương Xuân.
- Nhóm giống triển vọng: Cơ cấu khoảng 15% diện tích
- + Những giống có thời gian sinh trưởng dưới 95 ngày, gồm các giống: BG6, ĐH12, Dibarice 13/2, Hương Bình, TBT132, DCG66 và Sơn Lâm 1.
- + Những giống có thời gian sinh trưởng từ 95 - 105 ngày, gồm các giống: BDR999, TBR1, BDR27, ĐB6 và Thiên Hương 6 (QNgai6).

Lưu ý chung:

- Những giống định hướng cơ cấu là những giống đã được công nhận/công nhận lưu hành và được theo dõi qua nhiều vụ sản xuất ổn định trên địa bàn thành phố. Riêng nhóm giống triển vọng, cần tiếp tục theo dõi để đánh giá thêm trước khi cơ cấu ra diện rộng.
- Ngoài ra, cần chú ý chăm sóc và phòng trừ một số đối tượng sinh vật gây hại trên các giống sau:

+ Các giống BC15, Thiên ưu 8, TBR225, Dibarice 13/2, VN121: Dễ bị nhiễm bệnh đạo ôn trong vụ Đông Xuân, cần chủ động phát hiện để phòng trừ bệnh sớm; bón phân cân đối, hạn chế bón phân đạm (urê) trên những chân ruộng xanh tốt.

+ Các giống BC15, Thiên ưu 8, VNR20, TBR225, Sơn Lâm 1, Đài thơm 8, VN121, DCG66: Mẫn cảm với thời tiết rét lạnh, trở gập mưa. Cần bón phân cân đối, tăng cường bón phân chuồng, kali để giúp cây lúa tăng khả năng chống chịu.

+ Giống HT1, Bắc Thịnh có độ cứng cây trung bình, dễ đổ ngã khi gặp thời tiết bất lợi (có gió mạnh, lốc xoáy), do vậy không bố trí trên những chân ruộng thoát nước kém. Ngoài ra, các giống này dễ bị nhiễm rầy, cần thường xuyên theo dõi để có biện pháp quản lý hợp lý.

2. Định hướng khung thời vụ gieo sạ lúa

a) Vụ Đông Xuân 2025 - 2026

Vụ Đông Xuân thường mưa nhiều đầu vụ làm trôi giống, giữa vụ có những đợt rét lạnh tập trung chủ yếu vào tháng 1, tháng 2 và đầu tháng 3, cục bộ có năm kéo dài sang giữa cuối tháng 3, vì vậy nên bố trí thời vụ phù hợp phòng tránh những bất lợi do thời tiết gây ra, bảo vệ an toàn cho sản xuất. Bố trí lúa **trở từ ngày 20/3 đến ngày 05/4/2026, trở tập trung từ ngày 25/3 đến ngày 31/3/2026**, thu hoạch xong trước **05/5/2026**. Tùy theo thời gian sinh trưởng của từng giống lúa, bố trí lịch gieo sạ cụ thể như sau:

- Từ ngày **30/12/2025 - 05/01/2026**: Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 105 - 115 ngày.

- Từ ngày **05/01 - 10/01/2026**: Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng dưới 105 ngày.

Riêng đối với các xã, phường tại khu vực thành phố Đà Nẵng cũ, đã bố trí khung thời vụ ổn định qua các năm, có thể xuống giống sớm hơn, cụ thể: Từ ngày **15 - 25/12/2025** (Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 105 - 115 ngày); từ ngày **25 - 31/12/2025** (Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng dưới 105 ngày).

b) Vụ Hè Thu 2026

Bố trí lúa **trở từ ngày 25/7/2026 đến 10/8/2026, trở tập trung từ ngày 30/7 đến ngày 05/8/2026**, thu hoạch xong trước ngày **05/9/2026**, chậm nhất là **10/9/2026** để tránh mưa lũ vào cuối vụ, đồng thời để đảm bảo năng suất, sản lượng lúa. Tùy theo thời gian sinh trưởng của từng giống lúa, bố trí lịch gieo sạ cụ thể như sau:

- Từ ngày **20/5 - 25/5/2026**: Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 95 - 105 ngày.

- Từ ngày **25/5 - 05/6/2026**: Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng dưới 95 ngày.

Riêng đối với các xã, phường tại khu vực thành phố Đà Nẵng cũ, đã bố trí khung thời vụ ổn định qua các năm, có thể xuống giống sớm hơn, cụ thể: Từ

ngày **15 - 20/5/2026** (Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 95 - 105 ngày); từ ngày **20 - 31/5/2026** (Sử dụng nhóm giống có thời gian sinh trưởng dưới 95 ngày).

Lưu ý chung:

- Thành phố không chủ trương sử dụng giống dài ngày (TGST trên 115 ngày đối với vụ Đông Xuân, trên 105 ngày đối với vụ Hè Thu). Người sản xuất ở các huyện miền núi cao và một số địa phương vẫn còn tập quán sử dụng giống dài ngày, lúa lai, nếp,...; căn cứ vào thời gian sinh trưởng của từng giống, bố trí gieo sạ trước hoặc bắc mạ để cấy, cho lúa trổ theo khung thời vụ nêu trên.

- Đối với diện tích lúa thu hoạch muộn trong vụ Đông Xuân (sau ngày 05/5/2026), chỉ sử dụng nhóm giống có TGST ngắn (dưới 95 ngày) để gieo sạ nhằm giúp đất có thời gian phục hồi, giải độc,...và đảm bảo thời vụ chung của thành phố.

3. Một số giải pháp kỹ thuật

a) Áp dụng gói kỹ thuật “*1 phải 5 giảm*” để tăng hiệu quả sản xuất lúa, hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trong đó chú ý thực hiện một số biện pháp sau:

- Phải sử dụng giống đảm bảo chất lượng, giống cấp xác nhận hoặc nguyên chủng.

- *Giảm lượng giống gieo sạ*: Lượng giống sạ cho 01 sào (500 m²): Sạ hàng: 1,0 - 1,2 kg (lúa lai), 2,0 - 2,5 kg (lúa thuần). Sạ lan (vãi): 2,0 - 2,5 kg (lúa lai), 3,0 - 3,5 kg (lúa thuần).

- *Giảm lượng phân đạm hóa học hợp lý*: Lượng bón 8 - 10 kg urê/sào đối với giống có TGST ngắn ngày, 10 - 12 kg urê/sào đối với giống có TGST trung ngày và lúa lai (đã tính quy đổi lượng đạm của các loại phân khác thay urê); tập trung bón ở lần thúc 1 và 2, bón đồng không vượt quá 2 kg urê/sào.

- *Giảm sử dụng thuốc BVTV*: Thường xuyên thăm đồng để kịp thời phát hiện các đối tượng sinh vật gây hại và có biện pháp xử lý thích hợp. Chỉ sử dụng thuốc BVTV khi có nguy cơ bị sinh vật gây hại nặng, lây lan diện rộng.

- *Giảm lượng nước tưới (Tưới nước tiết kiệm)*: Các công trình thủy lợi không cấp nước tưới cho làm đất đầu vụ. Cần đắp bờ giữ nước mưa để làm đất, gieo sạ. Vào vụ, thực hiện tưới “ướt - khô xen kẽ” để giúp đất thông thoáng, rễ lúa ăn sâu, huy động tốt dưỡng chất, chống đổ ngã và giảm được lượng nước tưới. Cách tưới “ướt - khô xen kẽ” như sau: Giữ đủ nước (2 - 3 cm) từ khi lúa mọc mầm đến bón thúc lần 1, sau đó để ruộng tự khô và tưới lại trước khi bón thúc lần 2, sau đó tiếp tục để ruộng tự khô đến khi nứt nhẹ (nứt chân chim) thì cho nước vào ruộng từ 3 - 5 cm, tiếp tục làm như vậy cho đến khi lúa bắt đầu làm đồng. Từ lúc làm đồng, giữ nước thường xuyên trong ruộng đến lúc vào chắc. Rút nước để khô ruộng trước khi gặt 10 ngày, vừa hạn chế đổ ngã, lại dễ thu hoạch.

- *Giảm thất thoát sau thu hoạch*: Để đảm bảo chất lượng lúa, phẩm cấp gạo và tránh thất thoát do ảnh hưởng của thời tiết. Cần quan tâm và có biện pháp quản lý nhằm làm giảm thất thoát trong quá trình thu hoạch.

Ngoài ra, để giảm chi phí sản xuất, nhất là chi phí đầu tư phân hóa học, thuốc BVTV: Cần tăng cường bón phân hữu cơ đã ủ hoai mục. Tiến hành thu gom rơm, rạ, thân lá cây rau, màu sau thu hoạch để ủ với chế phẩm sinh học (phân giải chất hữu cơ) thành phân hữu cơ bón lại cho cây; ưu tiên sử dụng thuốc BVTV sinh học, thảo mộc.

Lưu ý: Quản lý tốt cỏ dại trên ruộng lúa: Khi phun thuốc trừ cỏ cho lúa phải đúng kỹ thuật sử dụng cho từng loại thuốc, ruộng phải đảm bảo đủ ẩm, nhất là phun đủ lượng nước thuốc trên đơn vị diện tích, không hỗn hợp thuốc trừ cỏ tiền nảy mầm và hậu nảy mầm để phun. Không phun thuốc trừ cỏ khi nhiệt độ môi trường xuống dưới 20°C ở vụ Đông Xuân (để gây ngộ độc cho lúa) và phải đảm bảo giữ ẩm trong ruộng ở vụ Hè Thu để tăng hiệu quả trừ cỏ.

b) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa

- Đối với những vùng bấp bênh có nguy cơ thiếu nước tưới: Thực hiện triệt để việc chuyển đổi sang một số cây trồng cạn như: cỏ, “ngô sinh khối” (làm thức ăn gia súc); mè, lạc, các loại đậu đỗ (đậu xanh, đậu đen,..), sắn, cây dược liệu... để tăng hiệu quả sản xuất và giảm lượng nước tưới.

- Đối với các vùng khác: Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu sang cây trồng cạn để có hiệu quả cao hơn. Để chuyển đổi, cần tổ chức họp bàn với nông dân thống nhất đăng ký kế hoạch thực hiện:

+ Liên kết để tạo thành cánh đồng lớn với diện tích sản xuất liên vùng, có điều kiện tương tự để chuyển đổi sản xuất cùng một loại cây trồng. Lưu ý, cần có hệ thống tiêu nước phòng khi gặp mưa lớn.

+ Khuyến khích tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất trên đất chuyển đổi ổn định, lâu dài gắn với mã số vùng trồng để thuận lợi trong việc tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm.

c) Sản xuất theo hướng an toàn

Để sản xuất tạo ra sản phẩm trồng trọt an toàn, cần tuân thủ một số giải pháp kỹ thuật sau:

- Vệ sinh đồng ruộng, làm đất đúng kỹ thuật, không được dùng thuốc trừ cỏ nhóm không chọn lọc (thuốc khai hoang) để trừ cỏ trên ruộng lúa, màu, bờ ruộng, mương nước.

- Phân bón, nước tưới: Tăng cường bón phân hữu cơ đã ủ hoai mục; chỉ sử dụng các loại phân vô cơ, phân vi sinh trong Danh mục phân bón của cơ quan chức năng ban hành, sử dụng đúng theo quy trình kỹ thuật. Hạn chế tối đa việc sử dụng chất kích thích sinh trưởng, điều hòa sinh trưởng. Không sử dụng phân tươi, nước ô nhiễm để tưới cho cây rau, cây dược liệu.

- Về quản lý sâu bệnh hại: Áp dụng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM),...Chỉ sử dụng thuốc BVTV khi thật cần thiết theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, khi sử dụng thuốc cần tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc “4 đúng”. Đối với cây rau, chỉ sử dụng thuốc có trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng của cơ quan chức năng ban hành; sử dụng thuốc khi thật cần thiết, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thảo mộc. Khi thu hoạch rau phải đảm bảo đủ thời gian cách ly của các loại phân bón và thuốc BVTV đã sử dụng.

- Việc thu hoạch, sơ chế, vận chuyển, bảo quản nông sản phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tránh bị hư hỏng, dập nát, nhiễm bẩn.

4. Tổ chức thực hiện

a) UBND các xã, phường

- Trên cơ sở định hướng của thành phố, triển khai bố trí lịch gieo sạ, cơ cấu giống phù hợp cho từng vùng, từng địa phương; tránh tình trạng bố trí nhóm giống có thời gian sinh trưởng khác nhau trong cùng một cánh đồng làm ảnh hưởng đến lịch cấp nước gây thất thoát, lãng phí nước hoặc sử dụng nước kém hiệu quả.

- Chỉ đạo việc thực hiện khoanh vùng diện tích chủ động nước tưới bố trí gieo sạ tập trung, đồng loạt từng khu, từng vùng theo lịch thời vụ; tuyên truyền đến người dân sử dụng nguồn nước tưới tiết kiệm.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương của thành phố chỉ đạo các địa phương gieo sạ giống lúa trung ngắn ngày nhằm rút ngắn thời gian, thu hoạch sớm nhằm giảm áp lực cho việc giải phóng đất giữa 2 vụ sản xuất. Trong đó, vụ Hè Thu xuống giống sớm, kết thúc vụ gọn, tránh được rủi ro do mưa lũ cuối vụ; chuyển đổi cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả và khả năng thiếu nước khi trồng lúa, đặc biệt ở vụ Hè Thu cần khuyến cáo chuyển đổi cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai, thời tiết, tập quán canh tác và có thị trường tiêu thụ; có kế hoạch sản xuất tập trung cùng nhóm cây trồng để dễ điều tiết nguồn nước.

- Có kế hoạch dự trữ giống để phòng ngừa mưa lũ làm thất thoát lượng giống và diện tích ngập úng phải gieo sạ lại.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn theo dõi tình hình sinh trưởng, sinh vật hại cây trồng và nhu cầu nước tưới để tham mưu chỉ đạo sản xuất kịp thời hiệu quả.

b) Chi cục Quản lý Tài nguyên nước và Thủy lợi, phối hợp với Công ty TNHH MTV KTTL Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV KTTL Quảng Nam, địa phương hướng dẫn giải pháp khắc phục hệ thống kênh tưới, kênh tiêu, hồ đập sau mùa mưa lũ nhằm kịp thời triển khai sản xuất vụ Đông Xuân; xây dựng kế hoạch điều tiết nguồn nước tưới phù hợp cho các địa phương triển khai sản xuất đảm bảo theo kế hoạch. Đồng thời phối hợp với các Công ty TNHH MTV KTTL có văn bản khuyến cáo diện tích sản xuất phù hợp với khả năng cấp nước của các công trình, đặc biệt theo dõi khả năng xâm nhập mặn để khuyến cáo sản xuất cho phù hợp ngay từ đầu vụ. Xây dựng phương án chống hạn, nhiễm mặn

phục vụ sản xuất nông nghiệp; thường xuyên thực hiện đo độ mặn trước khi tưới cho cây trồng (đặc biệt là ở vụ Hè Thu). Trao đổi với Đài khí tượng thủy văn khu vực để kịp thời thông báo tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai giúp các địa phương chủ động triển khai sản xuất.

c) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thường xuyên theo dõi tình hình sinh trưởng phát triển cây trồng, sinh vật hại để có thông báo hướng dẫn chăm sóc, phòng trừ sinh vật hại để các địa phương chủ động phòng trừ kịp thời và hiệu quả.

d) Trung tâm Khuyến nông phối hợp với các đơn vị liên quan, các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn lịch thời vụ, cơ cấu giống và tổ chức các biện pháp sản xuất đạt hiệu quả; tiếp tục theo dõi, đánh giá các giống lúa mới, triển vọng để đề xuất và cơ cấu của thành phố; triển khai các giải pháp kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ: giảm lượng giống gieo sạ, tăng cường sử dụng phân hữu cơ, tưới tiết kiệm,...để khuyến cáo nông dân áp dụng.

Trong quá trình chỉ đạo sản xuất, khi điều kiện thời tiết của từng vụ diễn biến bất thường, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ có thông báo điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan chỉ đạo và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND TP Đà Nẵng (Báo cáo);
- Cục Trồng trọt (Báo cáo);
- Giám đốc Sở (Báo cáo);
- UBND các xã, phường (Thực hiện);
- Các đơn vị, phòng thuộc Sở: Chi cục Trồng trọt và BVTN, Chi cục Quản lý Tài nguyên nước và Thủy lợi, Trung tâm Khuyến nông; Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Sở;
- Công ty TNHH MTV KTTL Đà Nẵng, Công ty TNHH MTV KTTL Quảng Nam;
- Lưu: VT, CCTTBVT (Tâm).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Thị Bích Hậu